TÒA ÁN NHÂN DÂN **THF.NH PHỐ HF. NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/DS-ST
Ngày: 14 - 10 - 2019
V/v Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, đòi nHf. và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THF.NH PHỐ HF. NỘI

- THf.nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Ngọc Bích**

Bà **Nguyễn Vũ Thị Tuyết Mai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương**- Thẩm tra viên Toà án nhân dân tHf.nh phố Hf. Nj..

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHf.nh phố Hf. Nj. *tham gia phiên toà:* Bà **Hoàng Thị Hải** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân tHf.nh phố Hf. Nj. xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về: Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, đòi nHf. và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn **:** Ông **T.V.Tn.**, sinh năm 1960. (có mặt)

Trú tại: Thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., tHf.nh phố Hf. Nj..

Bị đơn **:** Ông **T.H.Q.**, sinh năm 1969. (có mặt)

Bà **N.T.Đ.**, sinh năm 1970. (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., tHf.nh phố Hf. Nj..

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Quân: bà **N.T.Đ.**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **T.T.Q.**, sinh năm 1954. (vắng mặt)

Trú tại: phường V.A., tHf.nh phố B.N., tỉnh B.N..

2. Bà **T.T.S.**, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., tHf.nh phố Hf. Nj..

3. Bà **T.T.L.**, sinh năm 1963. (có mặt)

Trú tại: Thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., tHf.nh phố Hf. Nj..

4. Bà **T.T.H.**, sinh năm 1966. (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Q, bà S, bà L, bà H. là: Ông **T.V.Tn.**, sinh năm 1960. Trú tại: Thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., tHf.nh phố Hf. Nj..

5. **UBND huyện P.T.**, tHf.nh phố Hf. Nj..

Người đại diện theo uỷ quyền là: Ông **Đoàn Văn Quyền**, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P.T.. (xin vắng mặt)

6. Ông **N.B.V.**, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Trú tại: xóm CHf.ng Chợ, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Hf. Nj.

7. Anh **T.V.H.**, sinh năm 1996. (vắng mặt)

8. Chị **D.T.H.**, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huệ là: Anh **T.V.H.**.

9. Cháu **T.M.K.**, sinh năm 2018.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Khôi là: Anh **T.V.H.**, sinh năm 1996 và chị **D.T.H.**, sinh năm 1996.

10. Anh **T.T.H.**, sinh năm 2002.

Cùng trú tại: Thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., tHf.nh phố Hf. Nj..

Người đại diện theo pháp luật của anh Huy là: Ông **T.H.Q.**, sinh năm 1969 và chị **N.T.Đ.**, sinh năm 1970.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông T.V.Tn. trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Bố ông là T.V.Ư.chết 02/12/1992, mẹ là N.T.T.chết ngày 25/10/2012. Bố mẹ ông không có chồng khác, vợ khác. Bố mẹ ông sinh được 07 người con : Trịnh Công Vụ, sinh 1953, hy sinh năm 1975, khi chết không có vợ có con; T.T.Q., sinh năm 1954; T.T.S., sinh năm 1957; T.V.Tn., sinh năm 1960; T.T.L., sinh năm 1963; T.T.H., sinh năm 1966; T.H.Q., sinh năm 1969.

Ngoài những người trên, bố mẹ ông không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố ông chết không để lại di chúc bằng văn bản, khi còn sống, bố ông thường nói: tài sản đất đai bố mẹ ông tạo dựng được sẽ chia đều cho các con, con trai cũng như con gái. Mẹ ông chết, cũng không để lại di chúc.

Về nguồn gốc nHf. đất: Khi còn sống, bố mẹ ông có tạo dựng được 543m^2, số thửa 120, tờ bản đồ số 3, ở tại thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj.. Nguồn gốc diện tích đất này, bố ông mua lại của ông Dương Ngọc Chi năm 1953, đã ký vào sổ địa chính đứng tên Trịnh Văn Ứng. Từ khi mua, bố mẹ ông và các con ở trên mảnh đất này. Công trình xây dựng trên đất là 5 gian nHf. cấp 4 và công trình phụ, cây cối không có. Sau khi bố ông chết, mẹ ông và các con vẫn ở tại 5 gian nHf. cấp 4 đó. Năm 2010, gia đình ông họp và nhất trí cho ông phá nHf. cũ, xây dựng 3 tầng nHf.

mới, làm nơi ở và nơi thờ cúng. Cuộc họp đó có lập biên bản vào ngày 27/01/2010, có chữ ký của mọi người là bà T.T.L., Nguyễn Văn Hiển (chồng bà Liên), bà T.T.H., ông Dương Ngọc Minh (chồng bà Hoa), bà T.T.S., ông Nguyễn Văn Ký (chồng bà Sâm), bà T.T.Q., ông Nguyễn Đức Hoan (chồng bà Quế), ông T.V.Tn., bà Bạch Thị Thanh Yến (vợ ông Tuyển), ông T.H.Q., bà N.T.Đ.. Việc xây dựng nHf. là giao cho vợ chồng Quân, Đông chịu trách nhiệm xây dựng, tiền là do ông, các bà Liên, Sâm (đóng góp 50 triệu), chị ông là bà Quế (đóng góp là 200 triệu). Về số tiền 50 triệu của bà Liên, bà Sâm, ông đã trả các em gái. Ông cũng có ý định trả bà Quế 200 triệu nhưng bà Quế bảo chưa cần đến, khi nào cần thì bà Quế lấy sau.

Sau khi xây dựng xong, mẹ ông và vợ chồng Quân, Đông ở trên đó, ngoài ra trên đất không còn công trình xây dựng nào khác.

Ngày 03/9/2006, gia đình ông họp tạm thời giao cho vợ chồng Quân, Đông đứng tên kê khai và đứng tên sổ đỏ để xác tiện xác định mốc giới, sau này mẹ ông mất sẽ bàn cách chia thừa kế, cuộc họp có sự chứng kiến của chú ruột ông là ông Trịnh Khắc Đối, ông Nguyễn Tiến Hồng (vừa là chú bên ngoại vừa là Hf.ng xóm) và ông Dương Ngọc Chuyền (là Hf.ng xóm), bà Trương Thị Thu Hương (là Hf.ng xóm) chứng kiến cuộc họp và các anh chị em trong gia đình, có cả vợ chồng Quân, Đông ký trong biên bản họp. Ngày 21/12/2007 Uỷ ban nhân dân huyện P.T., tỉnh Hf. Tây cũ (nay là Hf. Nj.) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T.H.Q. và bà N.T.Đ.. Theo ông Tuyển, thửa đất này tuy cấp cho vợ chồng Quân, Đông, nhưng là tài sản của bố mẹ ông để lại chưa chia thừa kế, nay ông yêu cầu chia đều cho 6 anh chị em ông. Trước khi chết, ngoài tài sản này là di sản thừa kế, bố mẹ ông không có di sản nào khác.

Hiện nay trên nHf. đất này, có vợ chồng ông Quân và bà Đông cùng 2 con là các cháu: T.V.H., sinh năm 1996 cùng vợ của Hưng là D.T.H., sinh năm 1996 và T.T.H., sinh năm 2002 đang quản lý sử dụng.

Ông đề nghị Toà án huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Uỷ ban nhân dân huyện P.T. cấp cho gia đình hộ ông bà T.H.Q. và N.T.Đ.. Chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng 543m^2 đất tại thửa 120, tờ bản đồ số 3, xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj.. Yêu cầu vợ chồng ông Quân, bà Đông trả lại cho ông ngôi nHf. ba tầng cùng các tài sản trên đất. Ông nhất trí trả công trông nom trong quá trình xây dựng nếu vợ chồng Quân, Đông yêu cầu, cụ thể bao nhiêu thì tuỳ vào ý kiến của vợ chồng Quân, Đông.

Bị đơn ông T.H.Q., bà N.T.Đ. (bà Đông đại diện theo ủy quyền của ông Quân) trình bày: Bà Đông, ông Quân công nhận những lời trình bày của ông Tuyển về quan hệ huyết thống, về thời điểm mở thừa kế, về nguồn gốc tài sản đất đai cụ Ứng, cụ Trọng để lại, về việc xây dựng nHf. đúng như ông Tuyển trình bầy, hiện nay

vợ chồng con cái ông Quân, bà Đông đang quản lý, sử dụng nHf.. Từ khi xây dựng xong, vợ chồng ông Quân, bà Đông và các con chỉ ở, không xây dựng sửa chữa cải tạo gì. Về diện tích nHf. và các công trình xây dựng trên đất ông Tuyển muốn lấy lại, ông Quân, bà Đông nhất trí trả. Ông Quân, bà Đông không yêu cầu thanh toán công sức trông nom, xây dựng nHf.. Ông Quân, bà Đông không đóng góp tiền để xây dựng nHf..

Về nguồn gốc đất do cụ Ứng, cụ Trọng tạo dựng nên. Năm 1996 bà Đông lấy ông T.H.Q. và sống cùng gia đình bố mẹ chồng. Thời gian này, có vợ chồng ông Quân, bà Đông, cụ Trọng thường xuyên sinh sống tại đây, còn vợ chồng ông Tuyển thỉnh thoảng cũng về đây sống cùng. Trước khi vợ chồng ông Quân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 thì diện tích đất này, cụ Ứng và cụ Trọng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ có giấy mua đất từ ngày xưa.

Trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình ông Quân, bà Đông thì toàn bộ anh em ông Quân (là những người được thừa kế di sản của cụ Ứng, cụ Trọng để lại) và đại diện của dòng họ đã họp thống nhất cho vợ chồng ông Quân, bà Đông tạm thời kê khai đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc họp bàn đã lập biên bản và có chữ ký của mọi người. Khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Quân, bà Đông không nộp biên bản này.

Quan điểm của ông Quân, bà Đông: không nhất trí việc chia thừa kế di sản của bố mẹ chồng như yêu cầu của ông Tuyển vì vợ chồng ông, bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Quân, bà Đông cũng không nhất trí việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Uỷ ban nhân dân huyện P.T. đã cấp cho vợ chồng ông.

Hiện nay trên thửa đất này, có vợ chồng ông Quân, bà Đông và các con ông, bà sinh sống như ông Tuyển đã trình bày. Quá trình sinh sống tại đây, vợ chồng ông không xây dựng, cải tạo sửa chữa các công trình cũng như cây cối gì khác.

Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: bản gốc của hộ gia đình ông Quân, bà Đông được cấp năm 2007, thì trước đây ông Quân, bà Đông có vay nợ của ông N.B.V. một số tiền và đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc cho ông Vinh. Do không trả nợ được nên ông Vinh đã khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện P.T., Toà án xử buộc ông, bà phải trả tiền, về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Quân, bà Đông không biết ông Vinh còn giữ hay nộp ở Toà án nhân dân huyện P.T. hay nộp cho Chi cục thi Hf.nh án dân sự huyện P.T.. Về địa chỉ cụ thể của ông Vinh thì ông bà cũng không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà T.T.Q., bà T.T.S., bà T.T.L., bà T.T.H. uỷ quyền cho ông T.V.Tn..

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện P.T. trình bày: Ngày 21/12/2007 UBND huyện P.T., tỉnh Hf. Tây (nay là tHf.nh phố Hf. Nj.) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 578855 cho hộ ông T.H.Q. và bà N.T.Đ. thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3 xã T.Tn., huyện P.T., tỉnh Hf. Tây diện tích 543m^2. Ngày 01/8/2011, ông T.H.Q. và các tHf.nh viên trong gia đình là cụ Nguyễn Thị Trọng, bà N.T.Đ. có đơn xin đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Nj. dung các tHf.nh viên trong gia đình thống nhất đồng ý để ông T.H.Q. và bà N.T.Đ. được toàn quyền sử dụng, định đoạt thửa đất trên và thống nhất đề nghị UBND xã T.Tn., phòng Tài nguyên Môi trường đính chính lại tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tHf.nh của riêng ông T.H.Q. và bà N.T.Đ.. Đơn này đã có sự xác nhận của UBND xã T.Tn. ngày 01/8/2011. Cùng ngày phòng Tài nguyên Môi trường đã đính chính lại tên người sử dụng đất là ông T.H.Q. và bà N.T.Đ..

Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Quân, bà Đông hiện chưa tìm thấy hồ sơ lưu. Qua công tác xác minh thu thập tài liệu phòng Tài nguyên Môi trường đã thu thập được:

+ Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/5/2007. Người viết đơn là ông T.H.Q..

+ Biên bản xác nhận kích thước thửa đất ngày 20/11/2001, họ tên chủ hộ là Nguyễn Thị Trọng.

Tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/5/2007 có ghi nguồn gốc sử dụng đất: đất ông cha + xử lý 1966 (việc xử lý theo quyết định số 1966- QĐ/UB ngày 23/11/2001 của UBND tỉnh Hf. Tây để hợp thức hóa các diện tích đất vi phạm đất công thuộc diện lấn chiếm thì các hộ gia đình được xử lý nộp tiền để sử dụng đất). Theo Quyết định số 719/QĐ/UB ngày 30/11/2004 của UBND huyện P.T. (có danh sách kèm theo) tại số thứ tự 59, tên cụ Nguyễn Thị Trọng, thôn Nj. đang sử dụng thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3, diện tích cũ 310 m^2, diện tích mới 543m^2, diện tích tăng do tự lấn chiếm 233m^2, thời điểm vi phạm năm 1991, diện tích vi phạm được xử lý 233m^2.

Nay có việc tranh chấp chia thừa kế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết trên cơ sở pháp luật.

***Ông N.B.V. trình bầy*:** Theo bản án dân sự số 17/2015/DSST ngày 28/9/2015 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân huyện P.T., tại phần quyết định của bản án có tuyên ông Quân, bà Đông phải trả cho ông số tiền 2.503.275.625 đồng và ông phải trả cho vợ chồng ông Quân, bà Đông một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số AK 578855 cấp ngày 21/12/2007 do UBND huyện P.T. cấp cho hộ ông Quân, bà Đông, ngày 01/8/2011 thay đổi đính chính lại là là ông T.H.Q. và bà N.T.Đ.. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, từ đó ông Quân, bà Đông chưa

trả anh tiền và ông cũng chưa trả ông Quân, bà Đông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh T.V.H., chị D.T.H. (chị Huệ ủy quyền cho anh T.V.H.) trình bầy: anh là con ông Quân và bà Đông. Theo anh được biết nguồn gốc đất là do ông, bà anh để lại; về ngôi nHf. trên đất do ông Tuyển chuyển tiền về để xây dựng cho bà Nj. của anh ở, việc xây do ông Tuyển nhờ bố anh trông nom. Sau khi xây dựng xong bà Nj., bố mẹ và các anh sống trên nHf. đất này. Bố mẹ anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào anh không nắm được. Từ khi ở cho đến nay gia đình anh không sửa chữa cải tạo gì. Năm 2018 anh kết hôn cùng chị D.T.H. và cũng ở tại nHf. này. Do bận công tác anh xin không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa: Các đương sự không nộp tài liệu chứng cứ nào khác và không thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án.

+ Nguyên đơn ông T.V.Tn. trình bày: ông không rút đơn khởi kiện, ông xác định bộ diện tích 543m^2 số thửa 120, tờ bản đồ số 3, tại thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj. là di sản của bố mẹ ông để lại, bố mẹ ông chết không để lại di chúc và di sản này chưa được chia thừa kế.

Đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 543m^2 số thửa 120, tờ bản đồ số 3, tại thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj. của ông Quân, bà Đông và chia thừa kế theo pháp luật. Phần của ông và các chị T.T.Q., T.T.S., T.T.L., T.T.H. được hưởng đề nghị Tòa chia chung diện tích đất 302m^2 trên có công trình do ông xây dựng gồm nHf. 3 tầng, bếp, sân và cây trồng trên đất; ông cùng các bà Quế, Sâm, Liên, Hoa tự mở cửa ra ngõ đi chung. Phần diện tích đất còn lại 241m^2 và các vật kiến trúc, cây trồng trên đất chia cho ông Quân. Ông Quân không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản được chia. Việc tang ma cho bố mẹ trước đây, ông là người chi phí nay ông không yêu cầu các anh chị em phải thanh toán.

Yêu cầu vợ chồng ông Quân, bà Đông trả lại cho ông ngôi nHf. ba tầng cùng các tài sản trên đất. Ông nhất trí trả công trông nom trong quá trình xây dựng nHf. và công sức tôn tạo quản lý đất nếu ông Quân, bà Đông yêu cầu; cụ thể bao nhiêu thì tuỳ vào ý kiến của ông Quân, bà Đông.

+ Ông Quân, bà Đông xác định toàn bộ diện tích 543m^2 số thửa 120, tờ bản đồ số 3, tại thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj. là di sản của bố mẹ ông Quân để lại, ông Quân và bà Đông khi ở trên đất không có công sức tôn tạo đất và không yêu cầu thanh toán gì. Bố mẹ ông Quân chết đều không để lại di chúc. Khi bố, mẹ ông chết thì ông Tuyển lo toàn bộ tang ma cho bố mẹ ông, nên ông cũng nhất trí chia thừa kế theo pháp luật.

Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 578855 UBND huyện P.T. cấp cho cho hộ ông T.H.Q. và bà N.T.Đ. thửa đất

số 120, tờ bản đồ số 3 xã T.Tn., huyện P.T., tỉnh Hf. Tây diện tích 543m^2, sau này sửa đổi là cấp cho ông T.H.Q. và bà N.T.Đ. đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, diện tích đất này do ông Quân và bà Đông tự kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có văn bản tặng cho của các đồng thừa kế.

Ông Quân và bà Đông thống nhất xác định toàn bộ tài sản có trên đất bao gồm nHf. 3 tầng, bếp, sân, cây trồng trên đất đều là của ông Tuyển. NHf. 3 tầng do ông Tuyển gửi tiền về nhờ ông xây dựng, vợ chồng ông chỉ có công sức trông nom, các cây trồng trên đất do ông Tuyển gửi tiền về cho vợ chồng ông đi mua cây giống để trồng và trông nom. Nay ông Tuyển đòi nHf. và các công trình trên đất vợ chồng ông nhất trí trả và không yêu cầu ông Tuyển phải thanh toán công sức trông nom quản lý, xây dựng nHf. vì từ khi xây nHf. xong ông Tuyển cho vợ chồng con cái ông ở cùng mẹ đẻ ông là cụ Trọng, khi cụ chết thì gia đình ông vẫn được ở cho đến nay, vợ chồng ông không sửa chữa cải tạo gì về nHf. ở.

Về đề nghị của ông Tuyển chia diện tích đất như trên ông cũng nhất trí.

+ Bà Đông hoàn toàn nhất trí với quan điểm của ông Quân và không có ý kiến gì khác.

+ Bà Liên và bà Hoa hoàn toàn nhất trí với quan điểm của ông Tuyển và không có ý kiến gì khác.

Tham gia phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHf.nh phố Hf. Nj. phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TANDTP Hf. Nj. là đúng theo quy định tại Điều 37 BLTTDS.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc bị đơn phải trả lại nHf. trên đất cho ông nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi nHf. trên đất" là chính xác.

- Về việc xác định tư cách đương sự: đúng và đầy đủ.

Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời gian quy định.

- Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Tòa án tiến Hf.nh lấy lời khai các đương sự gồm: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xác minh tại chính quyền địa phương, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng quy định.

- Về Nj. dung đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.V.Tn..

Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia thừa kế bằng hiện vật: giao cho ông Tuyển, bà Quế, bà Sâm, bà Liên và bà Hoa phần diện tích đất 302m2, trên đất có nHf. 3 tầng, bếp và sân. Giao cho ông Quân được diện đất 241m2, trên đất có vườn, cây cối. Các bên không phải thanh toán chênh lệch cho nhau.

Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông Quân, bà Đông trả lại tài sản trên đất là ngôi nHf. 3 tầng cho ông Tuyển.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 578855 ngày 21/12/2007 mang tên ông Quân, bà Đông.

Tạm giao cho ông Quân, bà Đông tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 71 m^2 đất dôi dư.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trực tiếp tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHf.nh phố Hf. Nj. phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, đòi nHf. và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà T.T.Q., bà T.T.S., bà T.T.L., bà T.T.H. uỷ quyền cho ông T.V.Tn. tham gia tố tụng; anh T.H.Q. uỷ quyền cho chị N.T.Đ. tham gia tố tụng; chị D.T.H. ủy quyền cho anh T.V.H. tham gia tố tụng; anh T.V.H. xin vắng mặt, do bận công việc nên Toà án tiến Hf.nh xét xử vắng mặt các đương sự, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về Nj. dung:*

+ Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 578855, số vào sổ cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất H00294, UBND huyện P.T., Hf. Nj. đã cấp cho ông Quân và bà Đông ngày 21/12/2007:

Tại Biên bản xác minh ngày 16/8/2019, Ủy ban nhân dân xã T.Tn., huyện P.T. có Nj. dung: Nguồn gốc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3 diện tích 543m^2 hiện gia đình ông Quân, bà Đông đang quản lý có nguồn gốc là của cụ Ứng, cụ Trọng mua lại của cụ Dương Ngọc Chi. Quá trình sử dụng đất, cụ Ứng, cụ Trọng cùng các con sinh sống trên đó. Các cụ chết đi có để lại di chúc hay tặng cho tài sản cho vợ chồng Quân, Đông hay không thì không nắm được. Năm 2007, vợ chồng Quân, Đông được UBND huyện P.T. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại "Văn tự bán nhượng thổ cư" ngày 28/4/1953 thể hiện, nguồn gốc diện tích đất do cụ T.V.Ư.mua lại của cụ Dương Ngọc Chi mười một thước việc mua bán có sự chứng thực của chính quyền thời gian đó.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/8/2019 Cán bộ địa chính xã T.Tn. cho biết: Theo sổ mục kê đất còn lưu giữ tại UBND xã T.Tn. (sổ mục kê này không ghi năm), tại trang số 15, tờ bản đồ số F48a-104 (270-B-II+III) mục thửa số 120 tên chủ sử dụng là cụ Trịnh Văn Ứng, diện tích đất ở là 430m^2. Tại tờ bản đồ số 3 đo đạc tháng 12/1991 thể hiện thửa đất số 120, diện tích 430m^2 và được chỉnh lý 530m^2. Ngoài ra UBND xã không còn lưu giữ tài liệu nào khác thể hiện nguồn gốc thửa đất. Ngày 21/12/2007, UBND huyện P.T. đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Quân, bà Đông diện tích 543m^2. Ngày 01/8/2011, UBND huyện P.T. đã chỉnh lý tên chủ sử dụng đất là ông Quân, bà Đông. Lý do ông Quân, bà Đông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thửa đất trong sổ mục kê đứng tên cụ Ứng thì hồ sơ cấp Giấy chứng nhận xã không lưu giữ. Đối với phần diện tích đất ông Quân, bà Đông quản lý sử dụng có phần vượt quá diện tích đất được cấp thì diện tích này thuộc đất công do UBND xã quản lý.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/8/2019 tại phòng Tài nguyên Môi trường huyện P.T. thể hiện: Ngày 21/12/2007 UBND huyện P.T. đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Quân, bà Đông.

Ngày 01/8/2011, Ông Quân và các tHf.nh viên trong gia đình cụ Trọng, bà Đông có đơn xin đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Nj. dung các tHf.nh viên trong gia đình thống nhất đồng ý để ông Quân, bà Đông được toàn quyền sử dụng và định đoạt thửa đất và thống nhất đề nghị UBND xã, huyện đính chính tên chủ sử dụng đất tHf.nh của riêng ông Quân, bà Đông. Cùng ngày UBND huyện đã đính chính tên sang cho ông Quân, bà Đông.

Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay phòng Tài nguyên Môi trường chưa tìm thấy. Hiện thu thập được đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/5/2007, người viết là ông Quân; Biên bản xác nhận kích thước thửa đất ngày 20/11/2001 họ tên chủ hộ là Nguyễn Thị Trọng.

Tại Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/5/2007 thể hiện nguồn gốc sử dụng đất là đất ông cha + xử lý 1966 để hợp thức hóa các diện tích đất vi phạm đất công thuộc diện lấn chiếm thì các hộ gia đình được xử lý nộp tiền để sử dụng đất. Theo Quyết định số 719QĐ/UB ngày 30/11/2004 của UBND huyện P.T. (có danh sách kèm theo) tại số thứ tự 59, tên cụ Nguyễn Thị Trọng, thôn Nj. đang sử dụng thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3, diện tích cũ 310m^2, diện tích mới 543m^2, diện tích tăng do tự lấn chiếm 233m^2, thời điểm vi phạm năm 1991, diện tích vi phạm được xử lý 233m^2.

Năm 1992, cụ Ứng chết không để lại di chúc. Ngày 03/9/2006, toàn thể anh chị em gồm ông Tuyển, bà Yến - vợ ông Tuyển, ông Quân, bà Đông - vợ ông Quân; bà Quế; bà Sâm; bà Liên; bà Hoa trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Tiến Hồng – chú họ; ông Trịnh Khắc Đối – chú họ; ông Dương Ngọc Chuyền - Hf.ng xóm và bà Trương Thị Thu Hương - Hf.ng xóm và là người ghi biên bản đã tổ chức cuộc họp gia đình và thống nhất Nj. dung tạm thời giao cho vợ chồng ông Quân, bà Đông đi khai và đứng tên sổ đỏ để xác định mốc giới mảnh đất theo quy định của nHf. nước. Sau này mẹ già mất đi, lúc ấy anh chị em sẽ họp và bàn bạc lại cách chia thừa kế. Tất cả các chị em trong gia đình, người làm chứng, người ghi biên bản đã thống nhất và ký tên trong biên bản. Sau đó ngày 21/12/2007 hộ ông Quân, bà Đông đã được UBND huyện P.T. cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 578855 đối với thửa đất trên. Tuy nhiên theo bà Đông thì khi làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông bà không nộp cho chính quyền địa phương biên bản họp gia đình ngày 03/9/2006. Theo chính quyền xã T.Tn. thì lý do ông Quân và bà Đông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi thửa đất này trong sổ mục kê đứng tên cụ Ứng thì hồ sơ cấp Giấy chứng nhận xã không lưu giữ và theo UBND huyện thì hiện chưa tìm thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Ngày 01/8/2011, căn cứ đơn xin đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quân, có chữ ký của bà Đông và điểm chỉ ghi ngón cái phải ghi Nguyễn Thị Trọng, có xác nhận của UBND xã T.Tn. thì UBND huyện P.T. đã đính chính tên chủ sử dụng đất từ hộ ông Quân, bà Đông tHf.nh chủ sử dụng đất là ông Quân, bà Đông. Như vậy, Việc UBND huyện P.T. cấp Giấy và đính chính chủ sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Quân, bà Đông khi không có văn bản chuyển nhượng, tặng cho từ cụ Ứng, cụ Trọng sang cho ông Quân, bà Đông, không có văn bản thỏa thuận của tất cả những người thuộc Hf.ng thừa kế thứ nhất của cụ Ứng, cụ Trọng là cấp không đúng đối tượng.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/8/2019, Chi cục thi Hf.nh án huyện P.T., Hf. Nj. cho biết: Theo bản án số 17/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân huyện P.T., tHf.nh phố Hf. Nj. giữa nguyên đơn là ông N.B.V. và bị đơn là ông T.H.Q. và bà N.T.Đ. đã quyết định Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3, diện tích 543 m^2 tại Thôn Nj., xã T.Tn., Hf. Nj. do vợ chồng ông T.H.Q., bà N.T.Đ. và ông N.B.V. lập ngày 03/8/2011 vô hiệu. Ông N.B.V. phải có trách nhiệm trả lại cho ông T.H.Q. và bà N.T.Đ. một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số: AK 578855 cấp ngày 21/12/2007, do UBND huyện P.T. cấp cho hộ ông T.H.Q. và bà N.T.Đ.; thay đổi đính chính lại là: ông T.H.Q. và bà N.T.Đ. ngày 01/8/2011. Ông Quân, bà Đông phải trả cho ông Vinh số tiền 2.503.275.625 đồng. Bản án này không

bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật. Ngày 18/11/2015, Chi cục thi Hf.nh án huyện P.T. đã ra quyết định số 157/QĐ-CCTHA thi Hf.nh án theo Đơn yêu cầu thi Hf.nh án của ông N.B.V.. Do ông Quân và bà Đông không nộp khoản tiền nào nên cơ quan thi Hf.nh án đã tiến Hf.nh xác minh tài sản của ông Quân, bà Đông thì thể hiện có 01 tài sản duy nhất là nHf. đất tại thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T. Hf. Nj., đã được UBND huyện P.T. cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 578855 ngày 21/12/2007. Nhưng nHf. đất này hiện đang tranh chấp và Tòa án nhân dân tHf.nh phố Hf. Nj. đang thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Chi cục thi Hf.nh án dân sự huyện P.T. chưa ra quyết định cưỡng chế, kê biên, xử lý đối với nHf. đất trên. Cơ quan thi Hf.nh án đợi kết quả quyết định của Tòa án đối với diện tích nHf. đất này như thế nào thì cơ quan thi Hf.nh án sẽ sử lý theo pháp luật. Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số: AK 578855 cấp ngày 21/12/2007, do UBND huyện P.T. cấp cho hộ ông T.H.Q. và chị N.T.Đ. hiện nay vẫn do ông N.B.V. quản lý. Do chưa ra quyết định cưỡng chế, kê biên, xử lý tài sản này, nên đề nghị Tòa án không đưa Chi cục thi Hf.nh án dân sự huyện P.T. tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N.B.V. cũng xác định chưa trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 578855 ngày 21/12/20, theo quyết định của bản án số 17/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân huyện P.T., tHf.nh phố Hf. Nj. cho ông T.H.Q. và chị N.T.Đ..

Hội đồng xét xử, xét thấy ông T.V.Tn. – thuộc Hf.ng thừa kế thứ nhất của cụ Ứng, cụ Trọng khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 578855 ngày 21/12/20 UBND huyện P.T. đã cấp cho ông Quân, bà Đông là có căn cứ chấp nhận.

+ Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật 543m^2 đất, số thửa 120, tờ bản đồ số 3, ở tại thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj. của ông T.V.Tn.:

Từ các nhận định trên, có căn cứ xác định 543m^2 đất tại Thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., tỉnh Hf. Tây cũ (nay là Hf. Nj.) thuộc quyền sử dụng đất của cụ T.V.Ư.và cụ Nguyễn Thị Trọng, khi chết các cụ cũng không để lại di chúc hoặc tặng cho ai.

Cụ T.V.Ư.chết ngày 02/12/1992, cụ N.T.T.chết ngày 25/10/2012. Hai cụ sinh được 07 người con :

1.Trịnh Công Vụ, hy sinh năm 1975, khi chết không có vợ có con; 2.T.T.Q.; 3.T.T.S.; 4.T.V.Tn.; 5.T.T.L.; 6.T.T.H.; 7. T.H.Q.. Ngoài những người trên, cụ Ứng và cụ Trọng không có con nuôi, con riêng nào khác.

Hội đồng xét xử xác định di sản của cụ Ứng, cụ Trọng là diện tích 543m^2 đất, số thửa 120, tờ bản đồ số 3, ở tại thôn Nj., xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj.. Xác định thời điểm mở thừa kế lần 1 khi cụ T.V.Ư.chết là ngày 02/12/1992, thời điểm mở thừa kế lần 2 khi cụ N.T.T.chết là ngày 25/10/2012. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự

thì di sản của cụ Ứng và cụ Trọng để lại còn trong thời hiệu chia thừa kế. Cụ Ứng, cụ Trọng chết đều không để lại di chúc và di sản chưa chia, nên toàn bộ di sản của cụ Trọng và cụ Ứng để lại được chia thừa kế theo pháp luật. Cụ Trọng và cụ Ứng sinh được 7 người con, nhưng một người con là ông Trịnh Công Vụ hy sinh năm 1975, không có vợ có con, do vậy Hf.ng thừa kế thứ nhất gồm 06 người con còn lại là ông T.V.Tn., ông T.H.Q., bà T.T.Q., bà T.T.S., bà T.T.L., bà T.T.H..

Tại phiên tòa, ông Quân, bà Đông xác nhận khi ở trên đất không có công sức tôn tạo đất và không yêu cầu thanh toán khoản nào khác. Bố mẹ ông Quân chết thì ông Tuyển lo toàn bộ tang ma cho bố mẹ ông. Ông Tuyển không yêu cầu thanh toán chi phí mai táng cho bố, mẹ.

Theo Biên bản định giá của Tòa án nhân dân tHf.nh phố Hf. Nj. xác định giá trị quyền sử dụng đất là: 543 m^2 x 2.690.000 đ = 1.460.670.000đ. Do vậy, di sản của cụ Ứng và cụ Trọng được chia tHf.nh 6 kỷ phần. Mỗi kỷ phần tương đương: 1.460.670.000đ : 6 = 243.445.000đ. Ông T.V.Tn., ông T.H.Q., bà T.T.Q., bà T.T.S., bà T.T.L., bà T.T.H. mỗi người được hưởng một kỷ phần.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, ông Tuyển đề nghị chia di sản thừa kế chung cho ông và các chị em gái là bà T.T.Q., bà T.T.S., bà T.T.L., bà T.T.H. chung phần diện tích trên đất ông đã xây nHf. 3 tầng, bếp, sân gạch và cây trồng trên đất; ông cùng các bà Quế, Sâm, Liên, Hoa tự mở cửa ra ngõ đi chung, phần còn lại chia cho ông Quân. Nếu diện tích đất ông Quân được chia có giá trị lớn hơn kỷ phần ông Quân được hưởng và trên đất có những tài tài sản, cây trồng gì, thì ông Quân được sở hữu và sử dụng, không phải thanh toán lại giá trị chênh lệch. Phần diện tích đất ông Tuyển yêu cầu được chia là: 302 m^2 x 2 .690.000đ = 812.380.000đ. Phần ông Quân được chia là: 241 m^2 x 2.690.000 đ = 648.290.000đ. Bà Liên, bà Hoa, ông Quân nhất trí với đề nghị như trên của ông Tuyển và không có ý kiến nào khác. Bà Đông xác định không có công sức và yêu cầu gì đối với đất, tài sản và công trình và cây trồng trên đất, bà Đông không có yêu cầu gì và nhất trí với sự thỏa thuận trên. Xét thấy việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được ghi nhận.

+ Về yêu cầu đòi nHf. trên đất: Các đương sự đều thừa nhận ngôi nHf. ba tầng xây dựng trên đất cùng bếp, sân gạch là do ông Tuyển bỏ tiền ra xây dựng và ông Quân bà Đông chỉ là người trông nom cho ông Tuyển. Tại Biên bản họp gia đình ngày 27/01/2010 với đầy đủ anh em dâu rể gồm vợ chồng ông Tuyển; vợ chồng bà Quế; vợ chồng bà Sâm; vợ chồng bà Hoa; vợ chồng bà Liên; vợ chồng ông Quân, dưới sự chứng kiến của anh Trần Đức Tài – Hf.ng xóm, chị Trương Thị Thu Hương – Hf.ng xóm và là người ghi biên bản đã tiến Hf.nh họp gia đình thống nhất Nj. dung: mảnh đất số 120, tờ bản đồ số 3 là của bố mẹ để lại cho tất cả anh chị em nhưng hiện

ông Quân, bà Đông đang tạm thời mang tên trong sổ đỏ. Trên đất có một ngôi nHf. cấp 4 hiện đã xuống cấp nguy hiểm đến tính mạng cần phải xây dựng lại để cho mẹ ở và lấy nơi thờ cúng tổ tiên. Tất cả anh em thống nhất để vợ chồng ông Tuyển xây nHf. trên mảnh đất này.

Tại phiên tòa, ông Quân và bà Đông cùng thống nhất xác định toàn bộ tài sản có trên đất bao gồm nHf. 3 tầng, bếp, sân, nHf. tạm lợp mái tôn, tường bao, bể và cây trồng trên đất đều là của ông Tuyển. NHf. 3 tầng do ông Tuyển gửi tiền về nhờ ông xây dựng, vợ chồng ông chỉ có công sức trông nom, các cây trồng trên đất do ông Tuyển gửi tiền cho vợ chồng ông mua cây giống để trồng và trông nom. Nay ông Tuyển đòi nHf. và các công trình trên đất vợ chồng ông nhất trí trả và không yêu cầu ông Tuyển phải thanh toán công sức trông nom quản lý, xây dựng nHf. vì từ khi xây nHf. xong ông Tuyển cho vợ chồng con cái ông ở cùng mẹ đẻ ông là cụ Trọng, khi cụ chết thì gia đình ông vẫn được ở cho đến nay, vợ chồng ông không sửa chữa cải tạo gì về nHf. ở. Bà Liên, bà Hoa hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông Tuyển, ông Quân và bà Đông.

Do đó, có đủ cơ sở xác định tài sản là ngôi nHf. 3 tầng, bếp, sân trên thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3 thuộc quyền sở hữu của ông Tuyển. Nay ông Tuyển khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Quân, bà Đông phải trả lại tài sản này là có căn cứ. Bị đơn là ông Quân, bà Đông cũng chấp nhận trả lại tài sản này cho ông Tuyển nên cần ghi sự thỏa thuận này của các đương sự. Ông Quân, bà Đông không yêu cầu ông Tuyển phải thanh toán tiền công trông nom, quản lý nHf. nên không giải quyết.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2007 và đính chính chủ sử dụng đất năm 2011 cho ông Quân, bà Đông thể hiện thửa đất 120, tờ bản đồ số 3 diện tích 543m^2. Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định thửa đất hiện tại là 614,4m^2, dôi ra 71,4 m^2. Theo chính quyền địa phương thì phần diện tích dôi dư này là đất do UBND xã quản lý. Do vậy khi chính quyền địa phương chưa có hướng xử lý thì tạm giao cho ông Quân, bà Đông tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất trên và phải chấp Hf.nh mọi quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến diện tích đất trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tHf.nh phố Hf. Nj. tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, do bà T.T.Q., bà T.T.S. là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đông xin giảm án phí dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh gia đình khó khăn và nộp đơn có xác nhận của UBND xã. Theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì trường hợp này không được miễn giảm án phí. Ông Tuyển, bà Liên, bà Hoa, ông Quân mỗi

người phải chịu 12.172.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia thừa kế. Ông Quân, bà Đông phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm án phí không giá ngạch về yêu cầu đòi nHf. và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tuyển được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 50, 136 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, 499, 611, 612, 613 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 26, Điều 35, khoản 2 Điều 37, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất, đòi nHf. và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T.V.Tn. đối với ông T.H.Q. và bà N.T.Đ..

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 578855, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00294, do UBND huyện P.T. cấp ngày 21/12/2007 cho hộ ông T.H.Q. và bà N.T.Đ.; ngày 01/8/2011 được đính chính lại là: ông T.H.Q. và bà N.T.Đ..

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T.H.Q., bà N.T.Đ. trả lại ông T.V.Tn. toàn bộ ngôi nHf. ba tầng, bếp, sân gạch, tường bao, cây trồng tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3, xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj..

Ông T.H.Q., bà N.T.Đ. và những người đang sử dụng, quản lý tài sản trên có nghĩa vụ trả lại cho ông T.V.Tn..

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T.H.Q., bà N.T.Đ. không yêu cầu ông T.V.Tn. phải trả khoản tiền nào về công sức xây dựng, trông nom, quản lý nHf..

5. Xác định diện tích 543m^2, thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3, xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj. là di sản của cụ T.V.Ư.và cụ Nguyễn Thị Trọng.

6. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông T.V.Tn., bà T.T.Q., bà T.T.S., bà T.T.L., bà T.T.H. (bà Q, bà S, bà L, bà H. do ông Tuyển là đại diện), ông T.H.Q., bà N.T.Đ. (ông Quân do bà Đông là đại diện) cụ thể như sau:

- Ông T.V.Tn., bà T.T.Q., bà T.T.S., bà T.T.L., bà T.T.H. được quyền sử dụng phần diện tích đất 302m^2 (trên có nHf. 3 tầng, bếp, sân gạch, phần tường bao và cây

trồng trên đất thuộc sở hữu của ông T.V.Tn.) tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3, xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj. có giá trị quyền sử dụng đất 812.380.000đ, được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 4', 12, 1. (có sơ đồ kem theo).

- Ông T.H.Q. được quyền sử dụng phần diện tích đất còn lại 241m^2 tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 3, xã T.Tn., huyện P.T., Hf. Nj. trên có nHf. tạm lợp mái tôn, bể nước, phần tường bao, cửa và cây trồng có giá trị quyền sử dụng đất 648.290.000đ, được giới hạn bởi các điểm: 5, 6,7, 8, 11, 12, 4', 5. (có sơ đồ kèm theo).

- Ông Tuyển, bà Q, bà S, bà L, bà H. tự mở cửa từ phần đất được sử dụng ra ngõ đi chung. Ông Quân không phải toán giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất và được sở hữu các tài sản, cây trồng trên phần đất được sử dụng. Ông Quân, bà Đông không yêu cầu thanh toán công sức tôn tạo, quản lý di sản thừa kế.

7. Tạm giao ông T.H.Q. và bà N.T.Đ. quản lý, sử dụng 71m^2 diện tích đất công, giới hạn bởi các điểm: 8, 9, 10, 11, 8 (có sơ đồ kèm theo). Ông Quân, bà Đông phải chấp Hf.nh mọi quyết định của cơ quan có thẩm quyền xử lý diện tích đất này.

8. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nHf. theo quy định của pháp luật.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Tuyển, bà Liên, bà Hoa, ông Quân mỗi người phải chịu 12.172.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia thừa kế.

+ Ông Tuyển đã nộp 22.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000136 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi Hf.nh án dân sự huyện P.T., được trừ vào số tiền án phí 12.172.000 đồng. Ông Tuyển được nhận lại 10.328.000 đồng.

+ Ông Quân, bà Đông phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu đòi nHf. và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi Hf.nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hf.nh án dân sự thì người được thi Hf.nh án dân sự, người phải thi Hf.nh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hf.nh án, quyền yêu cầu thi Hf.nh án, tự nguyện thi Hf.nh án hoặc bị cưỡng chế thi Hf.nh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hf.nh án dân sự; thời hiệu thi Hf.nh án được quy định tại Điều 30 Luật Thi Hf.nh án dân sự.

11. Án xử công khai, sơ thẩm: Có mặt ông T.V.Tn., bà T.T.L., bà T.T.H.; (bà T.T.Q., bà T.T.S., bà T.T.L., bà T.T.H. ủy quyền cho ông T.V.Tn. là đại diện), ông T.H.Q., bà N.T.Đ., (ông Trịnh Hải Quân ủy quyền cho bà N.T.Đ. là đại diện). Vắng mặt ông Đoàn Văn Quyền đại diện theo ủy quyền của của UBND huyện P.T., anh N.B.V., anh T.V.H., chị D.T.H. (chị D.T.H. ủy quyền cho anh T.V.H. làm đại diện). Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

Tòa tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Cục thi Hf.nh án dân sự tHf.nh phố Hf. Nj.;
- VKSND tHf.nh phố Hf. Nj.;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Tiến Dũng